

**THÔNG BÁO**  
**Về việc bổ sung hồ sơ sinh viên khóa tuyển sinh 2022**

Thực hiện Quy định về quản lý hồ sơ, tài liệu quản lý người học các hệ đào tạo và để hoàn tất công việc quản lý hồ sơ sinh viên, Nhà trường thông báo về việc nộp bổ sung hồ sơ sinh viên đối với khóa tuyển sinh 2022 như sau:

**1. Đối tượng**

Sinh viên chưa hoàn thành hồ sơ sinh viên theo quy định (có danh sách kèm theo)

**2. Trình tự và thời gian bổ sung hồ sơ**

**Bước 1: Chuẩn bị bằng tốt nghiệp THPT**

Hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh đã cấp bằng tốt nghiệp THPT cho học sinh tốt nghiệp năm 2022. Vì vậy, sinh viên đã tốt nghiệp THPT năm 2022 liên hệ với trường để nhận bằng tốt nghiệp.

**Bước 2: Sinh viên chuẩn bị hồ sơ còn thiếu và bằng tốt nghiệp THPT**

- Sinh viên chuẩn bị hồ sơ còn thiếu, không hợp lệ
- Sinh viên chuẩn bị bản sao bằng tốt nghiệp THPT (photo có công chứng)

**Bước 3: Nộp hồ sơ bổ sung cho lớp trưởng**

Sinh viên nộp hồ sơ bổ sung cho lớp trưởng trước **16h30 ngày 30/11/2023**

**Bước 4: Lớp trưởng tổng hợp hồ sơ và nộp về Phòng Công tác Sinh viên**

Lớp trưởng lập danh sách tiếp nhận hồ sơ, văn bằng và nộp toàn bộ hồ sơ trên về Phòng Công tác Sinh viên từ **8h00 ngày 05/12/2023 đến 16h30 ngày 06/12/2023**.

Việc bổ sung và hoàn tất hồ sơ sinh viên là công tác quan trọng trong quá trình đào tạo. Sau thời gian trên nếu sinh viên không bổ sung đầy đủ hồ sơ sẽ bị xử lý theo quy định của Nhà trường.

Kính đề nghị Thủ trưởng các đơn vị triển khai đến Giảng viên chủ nhiệm lớp để thông báo, đôn đốc sinh viên biết và thực hiện đúng thời gian quy định./.

**Nơi nhận:**

- Thủ trưởng các đơn vị (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, CTSV.

*cm2*

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS. Lưu Trang**





**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2022**  
**THIỆU HỒ SƠ ĐẦU VÀO TÍNH ĐẾN NGÀY 30/03/2023**

(Kèm theo Thông báo số: 98 /TB-ĐHSP, ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên             | Ngày sinh  | Ghi chú tên lớp | Hồ sơ còn thiếu | Trạng thái 20/7/2023 |
|-----|--------------|-----------------------|------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| 1   | 3110122001   | Nguyễn Tuấn Anh       | 24-07-2004 | 22ST1           | NVQS            | Còn học              |
| 2   | 3110122016   | Lê Thanh Hằng         | 10-08-2004 | 22ST1           | KS              | Còn học              |
| 3   | 3110122022   | Nguyễn Công Hiền      | 20-10-1994 | 22ST1           | NVQS            | Còn học              |
| 4   | 3110122028   | Nguyễn Viết Phan Hùng | 10-06-1993 | 22ST1           | NVQS            | Còn học              |
| 5   | 3110122034   | Hồ Ngọc Gia Huy       | 12-08-2004 | 22ST1           | NVQS            | Còn học              |
| 6   | 3110122035   | Phạm Văn Công Huy     | 24-11-2004 | 22ST1           | NVQS            | Còn học              |
| 7   | 3110122040   | Phạm Sỹ Lâm           | 02-05-2004 | 22ST1           | NVQS            | Còn học              |
| 8   | 3110122107   | Phạm Tiến Vinh        | 14-04-2001 | 22ST1           | NVQS            | Còn học              |
| 9   | 3110122002   | Dương Lê Ngọc Ánh     | 16-08-2004 | 22ST2           | HBS             | Còn học              |
| 10  | 3110122029   | Nguyễn Kim Hưng       | 01-01-1989 | 22ST2           | NVQS            | Còn học              |
| 11  | 3110122030   | Nguyễn Phước Hưng     | 03-10-2004 | 22ST2           | NVQS            | Còn học              |
| 12  | 3110122079   | Võ Văn Thành          | 11-01-2004 | 22ST2           | NVQS            | Còn học              |
| 13  | 3110122093   | Trần Minh Trường      | 29-08-2004 | 22ST2           | NVQS            | Còn học              |
| 14  | 3110122104   | Nguyễn Quốc Việt      | 15-05-2004 | 22ST2           | NVQS            | Còn học              |
| 15  | 3120122003   | Lê Trung Doãn         | 16-07-2004 | 22SPT           | NVQS            | Còn học              |
| 16  | 3120122007   | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 15-09-2004 | 22SPT           | KS              | Còn học              |
| 17  | 3120122009   | Cao Đoàn Hưng         | 12-09-2004 | 22SPT           | NVQS            | Còn học              |
| 18  | 3120122016   | Phan Thanh Nhã        | 12-06-2004 | 22SPT           | NVQS            | Còn học              |
| 19  | 3120122021   | Phạm Minh Quân        | 12-05-2004 | 22SPT           | NVQS            | Còn học              |
| 20  | 3120122024   | Huỳnh Thị Nhật Tâm    | 01-07-2004 | 22SPT           | KS              | Còn học              |
| 21  | 3120122026   | Trần Đình Tân         | 20-11-2004 | 22SPT           | NVQS            | Còn học              |
| 22  | 3120122029   | Lê Chí Thiện          | 09-01-2004 | 22SPT           | NVQS            | Còn học              |
| 23  | 3120122031   | Nguyễn Thị Minh Thư   | 20-08-2004 | 22SPT           | KS              | Còn học              |
| 24  | 3120222002   | Nguyễn Quang An       | 27-12-2002 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 25  | 3120222004   | Trương Quốc Anh       | 15-12-2003 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 26  | 3120222006   | Hứa Quốc Bảo          | 21-05-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 27  | 3120222018   | Mai Duy Đạt           | 29-11-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 28  | 3120222020   | Nguyễn Hữu Đức        | 07-05-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 29  | 3120222027   | Nguyễn Lộc Hoàng Gia  | 09-05-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 30  | 3120222029   | Phạm Ngọc Hải         | 19-08-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 31  | 3120222031   | Lê Quang Hạnh         | 13-01-2004 | 22CNTT1         | GBTT            | Còn học              |
| 32  | 3120222036   | Vũ Văn Hiếu           | 13-03-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên             | Ngày sinh  | Ghi chú tên lớp | Hồ sơ còn thiếu | Trạng thái 20/7/2023 |
|-----|--------------|-----------------------|------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| 33  | 3120222038   | Đỗ Thị Hoa            | 09-08-2004 | 22CNTT1         | GBTT            | Còn học              |
| 34  | 3120222045   | Trịnh Ngọc Hưng       | 24-02-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 35  | 3120222047   | Đinh Quốc Huy         | 04-04-2004 | 22CNTT1         | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 36  | 3120222050   | Nguyễn Văn Huy        | 07-03-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 37  | 3120222053   | Võ Ngọc Huy           | 28-10-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 38  | 3120222071   | Phùng Sỹ Long         | 11-05-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 39  | 3120222089   | Đặng Quang Ngôn       | 24-04-2003 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 40  | 3120222091   | Nhân Đức Khoa Nguyên  | 08-10-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 41  | 3120222101   | Trần Thanh Phong      | 24-03-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 42  | 3120222110   | Trần Hoàng Quang      | 27-03-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 43  | 3120222118   | Lê Sỹ Tấn             | 06-12-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 44  | 3120222125   | Nguyễn Hoàng Thiện    | 19-03-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 45  | 3120222128   | Trần Công Thịnh       | 20-02-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 46  | 3120222130   | Nguyễn Văn Ân Thọ     | 27-03-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 47  | 3120222134   | Bùi Thanh Tiến        | 30-01-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 48  | 3120222146   | Nguyễn Dương Trịnh    | 24-05-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 49  | 3120222151   | Trương Đình Văn       | 08-07-2004 | 22CNTT1         | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 50  | 3120222156   | Huỳnh Minh Vũ         | 17-04-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 51  | 3120222158   | Phạm Văn Vũ           | 11-09-2004 | 22CNTT1         | NVQS            | Còn học              |
| 52  | 3120222008   | Phạm Văn Cẩm          | 10-11-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 53  | 3120222010   | Nguyễn Văn Chiến      | 31-08-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 54  | 3120222015   | Huỳnh Đắc Cường       | 05-02-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 55  | 3120222017   | Nguyễn Ngọc Đào       | 08-03-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 56  | 3120222042   | Nguyễn Văn Huân       | 22-11-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 57  | 3120222044   | Lê Quang Hưng         | 30-08-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 58  | 3120222048   | Đồng Văn Huy          | 04-10-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 59  | 3120222052   | Phạm Đức Huy          | 20-12-2004 | 22CNTT2         | GBTT            | Còn học              |
| 60  | 3120222056   | Đặng Duy Khánh        | 22-08-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 61  | 3120222070   | Nguyễn Huỳnh Bảo Long | 13-04-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 62  | 3120222076   | Nguyễn Văn Mãi        | 15-02-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 63  | 3120222092   | Đoàn Công Nhật        | 02-01-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 64  | 3120222102   | Nguyễn Phạm Anh Phú   | 06-08-2003 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 65  | 3120222105   | Trần Việt Phúc        | 06-01-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 66  | 3120222126   | Nguyễn Tiến Thịnh     | 13-10-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 67  | 3120222137   | Kiều Quốc Toàn        | 22-06-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 68  | 3120222155   | Đoàn Văn Vĩnh         | 09-08-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |
| 69  | 3120222157   | Nguyễn Quang Vũ       | 20-06-2004 | 22CNTT2         | NVQS            | Còn học              |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên                  | Ngày sinh  | Ghi chú tên lớp | Hồ sơ còn thiếu | Trạng thái 20/7/2023 |
|-----|--------------|----------------------------|------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| 70  | 3120422005   | Trịnh Duy Huy              | 19-06-2004 | 22CNTTC         | NVQS            | Còn học              |
| 71  | 3120422008   | Nguyễn Thùy Linh           | 29-05-2004 | 22CNTTC         | GBTT            | Còn học              |
| 72  | 3120422014   | Lê Trung Tiến              | 06-10-2004 | 22CNTTC         | NVQS            | Còn học              |
| 73  | 3130122003   | Lê Nguyên Bảo              | 12-11-2004 | 22SVL           | NVQS            | Còn học              |
| 74  | 3130122010   | Phạm Sĩ Anh Đức            | 23-01-2003 | 22SVL           | NVQS            | Còn học              |
| 75  | 3130122023   | Nguyễn Ngọc Hưng           | 14-02-2004 | 22SVL           | NVQS            | Còn học              |
| 76  | 3130122024   | Lê Tuấn Huy                | 08-02-2004 | 22SVL           | NVQS            | Còn học              |
| 77  | 3130122026   | Nguyễn Đình Khang          | 31-08-2003 | 22SVL           | NVQS            | Còn học              |
| 78  | 3130122032   | Lê Viết Thiên Lộc          | 12-06-2004 | 22SVL           | NVQS            | Còn học              |
| 79  | 3130122043   | Bùi Minh Quân              | 15-02-2004 | 22SVL           | NVQS            | Còn học              |
| 80  | 3130122045   | Ngô Thiên Sứ               | 24-10-2004 | 22SVL           | NVQS            | Còn học              |
| 81  | 3130322003   | Huỳnh Đăng Khoa            | 16-11-2004 | 22CVK           | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 82  | 3130322006   | Đặng Vĩ Thái               | 19-10-2003 | 22CVK           | NVQS            | Còn học              |
| 83  | 3130322007   | Nguyễn Tuấn Thiện          | 31-01-2001 | 22CVK           | NVQS            | Còn học              |
| 84  | 3140122006   | Phạm Văn Bưởi              | 01-06-2004 | 22SHH           | CNTN, NVQS      | Còn học              |
| 85  | 3140122008   | Nguyễn Đại                 | 06-01-2003 | 22SHH           | NVQS            | Còn học              |
| 86  | 3140122009   | Phạm Duy Đạt               | 10-02-2004 | 22SHH           | NVQS            | Còn học              |
| 87  | 3140122011   | Phan Thị Huyền Diệu        | 11-02-2004 | 22SHH           | HBS             | Còn học              |
| 88  | 3140122017   | Đặng Hữu Hiệp              | 10-03-2002 | 22SHH           | NVQS            | Còn học              |
| 89  | 3140122029   | Lê Thị Bích Ngọc           | 13-04-2004 | 22SHH           | KS              | Còn học              |
| 90  | 3140122045   | Lê Thái Thông              | 14-03-2003 | 22SHH           | NVQS            | Còn học              |
| 91  | 3140322010   | Hồ Ngọc Danh               | 25-02-2004 | 22CHD           | NVQS            | Còn học              |
| 92  | 3140322012   | Võ Thị Mỹ Duyên            | 06-12-2003 | 22CHD           | KS              | Còn học              |
| 93  | 3140322016   | Trần Phước Dương Minh Hiếu | 03-09-2004 | 22CHD           | NVQS            | Còn học              |
| 94  | 3140322019   | Lê Khang Hy                | 08-08-2004 | 22CHD           | NVQS            | Còn học              |
| 95  | 3140322027   | Hoàng Đình Nhân Phước      | 25-01-2004 | 22CHD           | NVQS            | Còn học              |
| 96  | 3140322031   | Lê Minh Chiến Thắng        | 03-04-2004 | 22CHD           | KS, NVQS        | Còn học              |
| 97  | 3140722018   | Nguyễn Hữu Đức             | 10-07-2004 | 22SKT1          | NVQS            | Còn học              |
| 98  | 3140722023   | Nguyễn Thu Hà              | 26-12-2003 | 22SKT1          | HBG, KS         | Còn học              |
| 99  | 3140722028   | Nguyễn Thị Phương Hoa      | 02-04-2003 | 22SKT1          | GBTT            | Còn học              |
| 100 | 3140722035   | Lương Thị Kim Huyền        | 08-11-2004 | 22SKT1          | GBTT            | Còn học              |
| 101 | 3140722046   | Phan Thị Kim Lư            | 01-12-2004 | 22SKT1          | GBTT            | Còn học              |
| 102 | 3140722051   | Phạm Tiến Mạnh             | 12-01-2004 | 22SKT1          | NVQS            | Còn học              |
| 103 | 3140722054   | Lê Nguyễn Trà My           | 21-12-2004 | 22SKT1          | HBS             | Còn học              |
| 104 | 3140722062   | Đào Minh Ngọc              | 13-12-2004 | 22SKT1          | CCCD            | Còn học              |
| 105 | 3140722065   | Phạm Thị Ánh Nguyệt        | 12-07-2004 | 22SKT1          | GBTT            | Còn học              |
| 106 | 3140722083   | Nguyễn Phú Tân             | 13-06-2003 | 22SKT1          | NVQS            | Còn học              |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên                   | Ngày sinh  | Ghi chú tên lớp | Hồ sơ còn thiếu | Trạng thái 20/7/2023 |
|-----|--------------|-----------------------------|------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| 107 | 3140722100   | Lê Thị Kim Thúy             | 07-04-2004 | 22SKT1          | KS              | Còn học              |
| 108 | 3140722105   | Nguyễn Thành Toàn           | 05-10-2004 | 22SKT1          | NVQS            | Còn học              |
| 109 | 3140722012   | Đặng Chí Cường              | 13-08-2003 | 22SKT2          | GBTT            | Còn học              |
| 110 | 3140722014   | Nguyễn Thị Ngọc Diệp        | 12-07-2004 | 22SKT2          | HBS             | Còn học              |
| 111 | 3140722017   | Bùi Văn Định                | 19-06-2004 | 22SKT2          | NVQS            | Còn học              |
| 112 | 3140722026   | Dương Đình Hiếu             | 07-12-2004 | 22SKT2          | NVQS            | Còn học              |
| 113 | 3140722033   | Nguyễn Mai Hương            | 12-07-2004 | 22SKT2          | GBTT            | Còn học              |
| 114 | 3140722059   | Ngô Lê Kim Ngân             | 05-04-2004 | 22SKT2          | GBTT            | Còn học              |
| 115 | 3140722110   | Hoàng Thị Khánh Trang       | 11-04-2004 | 22SKT2          | GBTT            | Còn học              |
| 116 | 3140722119   | Đoàn Thị Quý Vy             | 21-12-2004 | 22SKT2          | GBTT            | Còn học              |
| 117 | 3150122005   | Lương Nguyễn Quốc Cường     | 25-11-2004 | 22SS            | NVQS            | Còn học              |
| 118 | 3150122019   | Trương Văn Tín Nhuận        | 05-08-2004 | 22SS            | NVQS            | Tạm dừng             |
| 119 | 3150322006   | Trương Công Nguyễn Quốc Huy | 01-02-2004 | 22CTM           | GBTT            | Còn học              |
| 120 | 3150422020   | Trần Thị Minh Ngọc          | 30-09-2004 | 22CNSH          | GBTT            | Còn học              |
| 121 | 3150422022   | Lê Hồ Quỳnh Như             | 29-07-2004 | 22CNSH          | GBTT            | Còn học              |
| 122 | 3150422034   | Lý Như Uyên                 | 02-04-2004 | 22CNSH          | GBTT            | Còn học              |
| 123 | 3150422037   | Nguyễn Phạm Thảo Vy         | 24-08-2004 | 22CNSH          | GBTT            | Còn học              |
| 124 | 3160122009   | Ríah Khôi                   | 03-03-2004 | 22SGC           | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 125 | 3160122011   | Y Tuyết Ly                  | 10-12-2004 | 22SGC           | GBTT            | Còn học              |
| 126 | 3160122019   | Un Thị Phước                | 02-02-2004 | 22SGC           | GBTT            | Còn học              |
| 127 | 3160122027   | Nguyễn Anh Tú               | 15-08-2004 | 22SGC           | NVQS            | Còn học              |
| 128 | 3160422001   | Mai Huỳnh Gia Ân            | 09-06-2004 | 22SAN           | GBTT            | Còn học              |
| 129 | 3160422005   | Lý Trần Thái Bình           | 26-09-2004 | 22SAN           | GBTT, CNTN      | Còn học              |
| 130 | 3160422007   | Nguyễn Thị Ánh Đoan         | 03-01-2004 | 22SAN           | KS              | Còn học              |
| 131 | 3160422013   | Nguyễn Hoàng Giáp           | 01-08-2004 | 22SAN           | NVQS            | Còn học              |
| 132 | 3160422021   | Phạm Thị Thanh Huyền        | 15-03-2004 | 22SAN           | GBTT            | Còn học              |
| 133 | 3160422068   | Phạm Gia Khiêm              | 14-12-2004 | 22SAN           | GBNH, NVQS      | Còn học              |
| 134 | 3160422023   | Lê Hùng Khương              | 05-07-2004 | 22SAN           | NVQS            | Còn học              |
| 135 | 3160422037   | Võ Thanh Phong              | 13-03-2001 | 22SAN           | NVQS            | Tạm dừng             |
| 136 | 3160422039   | Nguyễn Thị Hồng Phúc        | 07-05-2004 | 22SAN           | HBS             | Còn học              |
| 137 | 3160422047   | Bùi Xuân Tài                | 27-07-2003 | 22SAN           | NVQS            | Còn học              |
| 138 | 3160422048   | Võ Thị Mỹ Tâm               | 27-03-2003 | 22SAN           | GBTT            | Còn học              |
| 139 | 3160422062   | Trịnh Minh Vương            | 24-09-2003 | 22SAN           | NVQS            | Còn học              |
| 140 | 3160522005   | Mai Thị Ngọc Bích           | 21-01-2004 | 22SCD           | HBS             | Còn học              |
| 141 | 3160522009   | Lê Hiếu Đan                 | 30-03-2004 | 22SCD           | GBTT            | Còn học              |
| 142 | 3160522018   | Nguyễn Thị Thùy Linh        | 20-04-2004 | 22SCD           | GBTT            | Còn học              |
| 143 | 3160522030   | Nguyễn Thị Thanh Ngân       | 13-07-2004 | 22SCD           | HBS, KS         | Còn học              |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Ghi chú tên lớp | Hồ sơ còn thiếu | Trạng thái 20/7/2023 |
|-----|--------------|------------------|--------|------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| 144 | 3160522032   | Nguyễn Thị Ánh   | Nguyệt | 28-04-2004 | 22SCD           | GBTT            | Còn học              |
| 145 | 3160522041   | Mai Thị Như      | Quỳnh  | 01-01-2004 | 22SCD           | GBTT            | Còn học              |
| 146 | 3160522043   | Hà Thị Thanh     | Tâm    | 10-02-2004 | 22SCD           | HBS             | Còn học              |
| 147 | 3160522048   | Nguyễn Thị       | Thủy   | 01-07-2004 | 22SCD           | GBTT            | Còn học              |
| 148 | 3160522058   | Nguyễn Công Quốc | Vinh   | 11-07-2004 | 22SCD           | KS, NVQS        | Còn học              |
| 149 | 3160622003   | Trần Hoàng       | Anh    | 02-09-2004 | 22SGT           | NVQS            | Còn học              |
| 150 | 3160622006   | Nguyễn           | Đức    | 09-04-2003 | 22SGT           | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 151 | 3160622007   | Trương Đỗ Trung  | Đức    | 03-07-2001 | 22SGT           | NVQS            | Còn học              |
| 152 | 3160622009   | Lê Văn           | Duy    | 04-06-2004 | 22SGT           | NVQS            | Còn học              |
| 153 | 3160622013   | Trần Văn         | Hùng   | 24-12-2004 | 22SGT           | NVQS            | Còn học              |
| 154 | 3160622016   | Trương Minh      | Kha    | 08-06-2004 | 22SGT           | NVQS            | Còn học              |
| 155 | 3160622017   | Nguyễn Trần Minh | Khải   | 19-06-2004 | 22SGT           | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 156 | 3160622029   | Hoàng Trọng      | Lộc    | 14-01-1991 | 22SGT           | NVQS            | Còn học              |
| 157 | 3160622021   | Phạm Đỗ Ngọc     | Thành  | 07-06-2001 | 22SGT           | NVQS            | Còn học              |
| 158 | 3160622024   | Nguyễn Ngọc      | Tú     | 19-07-2003 | 22SGT           | NVQS            | Còn học              |
| 159 | 3170122085   | Nguyễn Thị Hà    | Phương | 12-02-2004 | 22SNV1          | HBS             | Còn học              |
| 160 | 3170122106   | Nguyễn Tấn       | Trái   | 02-06-2004 | 22SNV1          | NVQS            | Còn học              |
| 161 | 3170122016   | Đoàn Mai         | Đạt    | 19-03-2004 | 22SNV2          | NVQS            | Còn học              |
| 162 | 3170122049   | Lê Hiền Tú       | Linh   | 28-11-2004 | 22SNV2          | GBTT, HBS       | Còn học              |
| 163 | 3170122050   | Nguyễn Thị Thảo  | Linh   | 22-02-2004 | 22SNV2          | GBTT            | Còn học              |
| 164 | 3170122087   | Phạm Văn         | Quân   | 19-11-2004 | 22SNV2          | HBS             | Còn học              |
| 165 | 3170122117   | Nguyễn Thị Tường | Vi     | 08-06-2004 | 22SNV2          | GBTT            | Còn học              |
| 166 | 3170222003   | Trần Hoàng       | Anh    | 01-01-2004 | 22CVH           | GBTT            | Còn học              |
| 167 | 3170222005   | Lâm Gia          | Bảo    | 12-10-2004 | 22CVH           | NVQS            | Còn học              |
| 168 | 3170222014   | Hồ Trần Quốc     | Cường  | 19-05-2004 | 22CVH           | NVQS            | Còn học              |
| 169 | 3170222017   | Nguyễn Thị Thùy  | Dương  | 25-11-2004 | 22CVH           | KS              | Còn học              |
| 170 | 3170222048   | Trần Thảo        | Nguyên | 19-07-2004 | 22CVH           | GBTT            | Còn học              |
| 171 | 3170222051   | Nguyễn Thị Yến   | Nhi    | 25-05-2004 | 22CVH           | KS              | Còn học              |
| 172 | 3170222056   | Võ Huỳnh         | Như    | 28-06-2004 | 22CVH           | KS              | Còn học              |
| 173 | 3170222080   | Đặng Nguyễn Bảo  | Trúc   | 04-11-2004 | 22CVH           | GBTT            | Còn học              |
| 174 | 3170222089   | Nguyễn Ngọc      | Vy     | 04-04-2004 | 22CVH           | GBTT            | Còn học              |
| 175 | 3170222090   | Nguyễn Thị Yến   | Vy     | 11-05-2004 | 22CVH           | HBG             | Còn học              |
| 176 | 3170322001   | Lê Quý           | Ái     | 09-07-2004 | 22CVHH          | GBTT            | Còn học              |
| 177 | 3170322030   | Huỳnh Thị        | Na     | 18-11-2004 | 22CVHH          | HBG             | Còn học              |
| 178 | 3170322039   | Trần Nguyên      | Phong  | 30-04-2004 | 22CVHH          | NVQS            | Còn học              |
| 179 | 3170322040   | Hồ Gia           | Phụng  | 22-11-2000 | 22CVHH          | NVQS            | Còn học              |
| 180 | 3170422002   | Nguyễn Đức       | Anh    | 07-07-2004 | 22CBC1          | NVQS            | Còn học              |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên              | Ngày sinh  | Ghi chú tên lớp | Hồ sơ còn thiếu | Trạng thái 20/7/2023 |
|-----|--------------|------------------------|------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| 181 | 3170422078   | Phạm Mai Phú Thịnh     | 29-01-2004 | 22CBC1          | NVQS            | Còn học              |
| 182 | 3170422092   | Lê Hoàng Triều         | 15-08-2004 | 22CBC1          | GBTT            | Còn học              |
| 183 | 3170422104   | Nay H' Xiếc            | 13-09-2004 | 22CBC1          | GBTT            | Còn học              |
| 184 | 3170422012   | Nguyễn Hoàng Dũng      | 06-11-2004 | 22CBC2          | NVQS            | Còn học              |
| 185 | 3170422041   | Tiết Thị Trúc Ly       | 01-10-2004 | 22CBC2          | GBTT            | Còn học              |
| 186 | 3170422044   | Châu Huệ Mẫn           | 08-09-2004 | 22CBC2          | GBTT            | Còn học              |
| 187 | 3170422048   | Nguyễn Huỳnh Nam       | 28-08-2004 | 22CBC2          | NVQS            | Còn học              |
| 188 | 3170422065   | Hà Huy Phong           | 10-11-2004 | 22CBC2          | GBTT            | Còn học              |
| 189 | 3170622005   | Bùi Công Huy Hoàng     | 26-12-2003 | 22CBCC          | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 190 | 3170622013   | Lê Văn Quynh           | 22-03-2004 | 22CBCC          | NVQS            | Còn học              |
| 191 | 3170622018   | Nguyễn Trần Thanh Toàn | 06-06-2004 | 22CBCC          | NVQS            | Còn học              |
| 192 | 3180122012   | Nguyễn Văn Quang Hào   | 16-09-2004 | 22SLS           | NVQS            | Còn học              |
| 193 | 3180122013   | Tạ Văn Hào             | 23-10-2003 | 22SLS           | NVQS            | Còn học              |
| 194 | 3180122037   | Nguyễn Hữu Phước       | 23-06-2004 | 22SLS           | NVQS            | Còn học              |
| 195 | 3180122042   | Nguyễn Quang Sang      | 17-04-2004 | 22SLS           | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 196 | 3180122046   | Nguyễn Phong Thanh     | 21-02-2004 | 22SLS           | NVQS            | Còn học              |
| 197 | 3180222006   | Trần Phước Việt Bách   | 23-04-2004 | 22CVNH1         | NVQS            | Còn học              |
| 198 | 3180222035   | Nguyễn Ngọc Vũ Hưng    | 07-10-2004 | 22CVNH1         | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 199 | 3180222044   | Nguyễn Thái Minh La    | 09-07-2004 | 22CVNH1         | GBTT, NVQS      | Còn học              |
| 200 | 3180622007   | Tăng Tấn Lượng         | 19-10-2004 | 22CVNH1         | NVQS            | Còn học              |
| 201 | 3180222075   | Nguyễn Xuân Ngọc       | 08-11-2004 | 22CVNH1         | NVQS            | Còn học              |
| 202 | 3180222139   | Lê Thị Cẩm Tiên        | 10-08-2004 | 22CVNH1         | GBTT            | Còn học              |
| 203 | 3180222147   | Nguyễn Thị Thùy Trang  | 28-10-2004 | 22CVNH1         | CNTN            | Còn học              |
| 204 | 3180222151   | Lê Văn Bá Trình        | 25-12-2004 | 22CVNH1         | NVQS            | Còn học              |
| 205 | 3180622018   | Đinh Lê Hoàng Văn      | 20-03-2004 | 22CVNH1         | NVQS            | Còn học              |
| 206 | 3180222161   | Phan Thị Tường Vi      | 06-06-2004 | 22CVNH1         | KS              | Còn học              |
| 207 | 3180222008   | Đỗ Quang Ca            | 10-05-2004 | 22CVNH2         | NVQS            | Còn học              |
| 208 | 3180222013   | Phan Thanh Đà          | 19-09-2004 | 22CVNH2         | NVQS            | Còn học              |
| 209 | 3180222034   | Võ Tấn Hùng            | 16-01-2004 | 22CVNH2         | NVQS            | Còn học              |
| 210 | 3180222039   | Lê Thị Thanh Huyền     | 02-08-2004 | 22CVNH2         | KS              | Còn học              |
| 211 | 3180622005   | Hà Quốc Khánh          | 01-09-2004 | 22CVNH2         | NVQS            | Còn học              |
| 212 | 3180222049   | Nguyễn Thị Ngọc Lên    | 15-07-2004 | 22CVNH2         | KS              | Còn học              |
| 213 | 3180222060   | Nguyễn Thị Kim Ly      | 21-09-2004 | 22CVNH2         | GBTT            | Còn học              |
| 214 | 3180222085   | Nguyễn Thị Yến Như     | 05-04-2004 | 22CVNH2         | GBTT            | Còn học              |
| 215 | 3180222101   | Ngô Văn Quốc           | 14-03-2004 | 22CVNH2         | HBG             | Còn học              |
| 216 | 3180222120   | Nguyễn Xuân Thịnh      | 03-10-2004 | 22CVNH2         | NVQS            | Còn học              |
| 217 | 3180222152   | Nguyễn Trọng Trung     | 27-08-2004 | 22CVNH2         | NVQS            | Còn học              |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên             | Ngày sinh  | Ghi chú tên lớp | Hồ sơ còn thiếu | Trạng thái 20/7/2023 |
|-----|--------------|-----------------------|------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| 218 | 3180522001   | Hồ Văn An             | 23-01-2004 | 22CLS           | NVQS            | Còn học              |
| 219 | 3180522004   | Trương Thanh Bình     | 22-01-2004 | 22CLS           | NVQS            | Còn học              |
| 220 | 3180522006   | Nguyễn Trần Hoài Đông | 01-10-1999 | 22CLS           | NVQS            | Còn học              |
| 221 | 3180522012   | Nguyễn Quốc Hưng      | 26-06-2004 | 22CLS           | KS              | Còn học              |
| 222 | 3180522018   | Phan Văn Bảo Khánh    | 04-06-2004 | 22CLS           | NVQS            | Còn học              |
| 223 | 3180522024   | Trần Hồng Bảo Minh    | 21-11-2004 | 22CLS           | CNTN            | Còn học              |
| 224 | 3180522026   | Nguyễn Trung Nam      | 27-05-2004 | 22CLS           | NVQS            | Còn học              |
| 225 | 3180522031   | Trần Ngô Trường Phúc  | 25-12-2004 | 22CLS           | NVQS            | Còn học              |
| 226 | 3180522040   | Bùi Chế Thanh Trang   | 01-05-2004 | 22CLS           | KS              | Còn học              |
| 227 | 3180522044   | Lâm Anh Tú            | 19-09-2004 | 22CLS           | NVQS            | Còn học              |
| 228 | 3180722005   | Nguyễn Tiến Anh       | 21-11-2004 | 22SLD1          | NVQS            | Còn học              |
| 229 | 3180722024   | Trần Mạnh Hùng        | 21-12-2003 | 22SLD1          | NVQS            | Còn học              |
| 230 | 3180722044   | Lê Vỹ Lợi             | 02-01-2004 | 22SLD1          | NVQS            | Còn học              |
| 231 | 3180722056   | Trần Thị Hoàng Mỹ     | 28-02-2004 | 22SLD1          | GBTT            | Tạm dừng             |
| 232 | 3180722118   | A Xê                  | 16-02-2004 | 22SLD1          | KS, NVQS        | Còn học              |
| 233 | 3180722048   | Hoàng Công Lý         | 10-11-2002 | 22SLD2          | NVQS            | Còn học              |
| 234 | 3180722057   | A Lăng Thị Ngân       | 06-05-2004 | 22SLD2          | HBS             | Còn học              |
| 235 | 3180722071   | Đỗ Thị Đoan Phương    | 20-07-2004 | 22SLD2          | CNTN            | Còn học              |
| 236 | 3180722090   | Huỳnh Thị Cẩm Thi     | 20-03-2004 | 22SLD2          | HBS, KS         | Còn học              |
| 237 | 3180722107   | Đoàn Thị Ngọc Uyên    | 20-01-2004 | 22SLD2          | HBS             | Còn học              |
| 238 | 3180722111   | Trần Văn Vinh         | 12-07-2004 | 22SLD2          | NVQS            | Còn học              |
| 239 | 3190122008   | Đinh Hy Một Đồi       | 08-07-2004 | 22SDL           | HBS             | Còn học              |
| 240 | 3190122020   | Nguyễn Văn Huy        | 29-10-2002 | 22SDL           | HBS             | Còn học              |
| 241 | 3190122030   | Vương Thái Luân       | 10-01-2004 | 22SDL           | NVQS            | Còn học              |
| 242 | 3190122031   | Trương Công Minh      | 05-09-2002 | 22SDL           | HBS             | Còn học              |
| 243 | 3190122040   | Đỗ Ngọc Phụng         | 03-11-2004 | 22SDL           | GBTT            | Còn học              |
| 244 | 3190122046   | Hà Văn Thịnh          | 28-02-2004 | 22SDL           | NVQS            | Còn học              |
| 245 | 3190122062   | Nguyễn Phước Vĩnh     | 04-07-2004 | 22SDL           | NVQS            | Còn học              |
| 246 | 3190422006   | Nguyễn Vũ Trường Bình | 19-07-2004 | 22CDDL          | NVQS            | Còn học              |
| 247 | 3190422017   | Võ Văn Anh Hào        | 24-10-2004 | 22CDDL          | KS, NVQS        | Còn học              |
| 248 | 3190422024   | Hoàng Phan Ngọc Huy   | 14-06-2004 | 22CDDL          | NVQS            | Tạm dừng             |
| 249 | 3190422037   | Nguyễn Thị Mi Ngân    | 05-07-2004 | 22CDDL          | KS              | Còn học              |
| 250 | 3190422040   | Vũ Thị Ngọc           | 20-11-2004 | 22CDDL          | GBTT            | Còn học              |
| 251 | 3190422042   | Võ Trần Nguyên        | 29-05-2004 | 22CDDL          | NVQS            | Còn học              |
| 252 | 3190422044   | Nguyễn Thị Tuyết Nhi  | 17-08-2004 | 22CDDL          | KS              | Còn học              |
| 253 | 3190422046   | Hồ Nguyễn Trâm Oanh   | 08-10-2004 | 22CDDL          | CNTN, HBG       | Còn học              |
| 254 | 3190422052   | Phan Ngọc Phương      | 08-05-2004 | 22CDDL          | NVQS            | Còn học              |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên                | Ngày sinh  | Ghi chú tên lớp | Hồ sơ còn thiếu | Trạng thái 20/7/2023 |
|-----|--------------|--------------------------|------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| 255 | 3190422054   | Ngô Vũ Hồng Quyên        | 11-04-2004 | 22CDDL          | GBTT            | Còn học              |
| 256 | 3190422057   | Nguyễn Văn Sỹ            | 24-08-2004 | 22CDDL          | NVQS            | Còn học              |
| 257 | 3190422061   | Lê Thị Thanh Thảo        | 15-10-2004 | 22CDDL          | KS              | Còn học              |
| 258 | 3190422063   | Nguyễn Thị Thanh Thảo    | 29-01-2004 | 22CDDL          | CNTN, HBG, HBS  | Còn học              |
| 259 | 3190422066   | Nguyễn Văn Thiên         | 26-09-2004 | 22CDDL          | NVQS            | Còn học              |
| 260 | 3190422067   | Phạm Hưng Thịnh          | 03-09-2004 | 22CDDL          | KS              | Còn học              |
| 261 | 3190422072   | Nguyễn Tony              | 09-07-2004 | 22CDDL          | NVQS            | Còn học              |
| 262 | 3190422077   | Lã Anh Tú                | 14-02-2004 | 22CDDL          | NVQS            | Còn học              |
| 263 | 3190422079   | Trần Nguyên Anh Vũ       | 10-12-2003 | 22CDDL          | NVQS            | Còn học              |
| 264 | 3200222033   | Mai Phạm Việt Hùng       | 07-05-2004 | 22CTL           | NVQS            | Còn học              |
| 265 | 3200222038   | Nguyễn Xuân Huy          | 02-10-2004 | 22CTL           | NVQS            | Còn học              |
| 266 | 3200222054   | Lê Đào Uyên Nhi          | 04-10-2004 | 22CTL           | KS, CCCD        | Còn học              |
| 267 | 3200222060   | Vương Hồng Phát          | 16-04-2004 | 22CTL           | NVQS            | Tạm dừng             |
| 268 | 3200222081   | Nguyễn Thị Bội Thúy      | 22-10-2004 | 22CTL           | GBTT            | Còn học              |
| 269 | 3200222087   | Đậu Thị Huyền Trang      | 09-11-2004 | 22CTL           | GBTT            | Còn học              |
| 270 | 3200322001   | Nguyễn Lê Phúc An        | 12-05-2004 | 22CTXH          | NVQS            | Còn học              |
| 271 | 3200322006   | Tán Thị Mỹ Châu          | 14-08-2004 | 22CTXH          | HBS             | Còn học              |
| 272 | 3200322009   | Tường Thị Phương Dung    | 04-08-2004 | 22CTXH          | GBTT            | Còn học              |
| 273 | 3200322017   | Nguyễn Khánh Hưng        | 30-01-2004 | 22CTXH          | GBTT            | Còn học              |
| 274 | 3200322024   | Đỗ Trần Thị Triệu Mẫn    | 10-06-2004 | 22CTXH          | GBTT            | Còn học              |
| 275 | 3200322033   | Nguyễn Thanh Thảo Nguyên | 05-10-2002 | 22CTXH          | CNTN            | Còn học              |
| 276 | 3200322034   | Nguyễn Trần Trọng Nhân   | 17-04-2004 | 22CTXH          | NVQS            | Còn học              |
| 277 | 3200422005   | Nguyễn Bá Đức            | 18-10-2003 | 22CTL           | NVQS            | Còn học              |
| 278 | 3200422015   | Nguyễn Đức Nhân          | 04-11-2004 | 22CTL           | NVQS            | Còn học              |
| 279 | 3200422020   | Nguyễn Văn Phúc          | 19-07-2004 | 22CTL           | NVQS            | Còn học              |
| 280 | 3200422023   | Nguyễn Lê Thanh          | 27-08-2004 | 22CTL           | NVQS            | Còn học              |
| 281 | 3200422028   | Hoàng Minh Tuấn          | 13-07-2004 | 22CTL           | NVQS            | Còn học              |
| 282 | 3220122057   | Trần Thị Giang           | 28-05-2004 | 22STH1          | HBS             | Còn học              |
| 283 | 3220122064   | Nguyễn Thị Minh Hà       | 18-11-2004 | 22STH1          | HBS             | Còn học              |
| 284 | 3220122104   | Đinh Thị Diệu Huyền      | 28-03-2004 | 22STH1          | CNTN            | Còn học              |
| 285 | 3220122112   | Nguyễn Thị Thu Huyền     | 25-10-2004 | 22STH1          | GBTT            | Còn học              |
| 286 | 3220122240   | Nguyễn Thị Hoài Thanh    | 23-10-2004 | 22STH1          | HBS             | Còn học              |
| 287 | 3220122241   | Nguyễn Thị Minh Thanh    | 16-11-2004 | 22STH1          | HBS             | Còn học              |
| 288 | 3220122250   | Nguyễn Thị Phương Thảo   | 09-04-2004 | 22STH1          | HBS             | Còn học              |
| 289 | 3220122298   | Đỗ Thị Ánh Trinh         | 01-08-2003 | 22STH1          | HBS             | Còn học              |
| 290 | 3220122002   | Nguyễn Thị Hoài An       | 23-07-2004 | 22STH2          | HBS             | Còn học              |
| 291 | 3220122331   | Trần Thị Thu Yên         | 25-01-2003 | 22STH2          | HBS             | Còn học              |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên               | Ngày sinh  | Ghi chú tên lớp | Hồ sơ còn thiếu      | Trạng thái 20/7/2023 |
|-----|--------------|-------------------------|------------|-----------------|----------------------|----------------------|
| 292 | 3220122003   | Nguyễn Thị Thảo An      | 16-07-2004 | 22STH3          | GBTT                 | Còn học              |
| 293 | 3220122006   | Hồ Phan Thảo Anh        | 01-10-2004 | 22STH3          | HBG, KS              | Còn học              |
| 294 | 3220122304   | Poloong Thị Trị         | 08-01-2004 | 22STH3          | GBTT                 | Còn học              |
| 295 | 3220122013   | Nguyễn Thị Minh Anh     | 20-06-2004 | 22STH4          | GBTT                 | Còn học              |
| 296 | 3220122334   | Trần Thu Hiền           | 12-04-2004 | 22STH4          | GBTT                 | Còn học              |
| 297 | 3220122340   | Pơ Loong Thị Thu Nguyệt | 15-04-2004 | 22STH4          | GBTT                 | Còn học              |
| 298 | 3220122219   | Nguyễn Thị Phương       | 19-12-2004 | 22STH4          | HBS                  | Còn học              |
| 299 | 3220122272   | Trần Thị Lệ Thủy        | 03-10-2004 | 22STH4          | GBTT                 | Còn học              |
| 300 | 3220122049   | Trần Thị Mỹ Duyên       | 08-04-2004 | 22STH5          | KS                   | Còn học              |
| 301 | 3220122062   | Hoàng Thị Hà            | 16-03-2004 | 22STH5          | HBS                  | Còn học              |
| 302 | 3220122129   | Nguyễn Thị Hương Lê     | 16-09-2004 | 22STH5          | HBS                  | Còn học              |
| 303 | 3220122186   | Hà Thảo Nguyên          | 21-01-2004 | 22STH5          | CNTN                 | Còn học              |
| 304 | 3220122303   | Y Trinh                 | 04-01-2004 | 22STH5          | GBTT                 | Còn học              |
| 305 | 3220122316   | Huỳnh Thị Nhã Uyên      | 05-04-2003 | 22STH5          | HBS                  | Còn học              |
| 306 | 3220122319   | Trần Thị Thu Uyên       | 13-06-2004 | 22STH5          | HBS                  | Còn học              |
| 307 | 3220122176   | Đặng Tuyết Ngân         | 08-09-2004 | 22STH6          | GBTT                 | Còn học              |
| 308 | 3220122203   | Trần Thị Yến Nhi        | 18-10-2004 | 22STH6          | KS                   | Còn học              |
| 309 | 3220222003   | Lê Trung Anh            | 28-08-2004 | 22STC           | NVQS                 | Còn học              |
| 310 | 3220222014   | A Lăng Giáp             | 06-01-2004 | 22STC           | NVQS                 | Còn học              |
| 311 | 3220222022   | Nguyễn Thị Thanh Hương  | 20-02-2004 | 22STC           | CCCD                 | Còn học              |
| 312 | 3220222025   | Hoàng Cao Khải          | 27-12-2004 | 22STC           | NVQS                 | Còn học              |
| 313 | 3220222026   | Poloong Liệu            | 09-08-2001 | 22STC           | NVQS                 | Còn học              |
| 314 | 3220222035   | Đặng Thị Thanh Nga      | 14-02-2002 | 22STC           | HBS                  | Còn học              |
| 315 | 3220222063   | Lê Thị Thanh Yên        | 27-04-2004 | 22STC           | HBS                  | Còn học              |
| 316 | 3230122073   | Nguyễn Thị Thu Na       | 04-07-2004 | 22SMN1          | CNTN                 | Còn học              |
| 317 | 3230122085   | Trần Thị Yến Nhi        | 17-07-2004 | 22SMN1          | KS                   | Còn học              |
| 318 | 3230122059   | Nguyễn Thị Thùy Linh    | 19-09-2004 | 22SMN2          | GBTT, HBS, CCCD, Ảnh | Còn học              |
| 319 | 3230122164   | Nguyễn Trần Đan Nguyệt  | 26-09-2004 | 22SMN2          | CNTN                 | Còn học              |
| 320 | 3230122015   | Phùng Thị Ngọc Dung     | 14-04-2004 | 22SMN3          | KS                   | Còn học              |
| 321 | 3230122047   | Thái Thị Hương          | 29-01-2004 | 22SMN3          | HBS                  | Còn học              |

Danh sách có 321 sinh viên

**Ghi chú:**

- CNTN: Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời
- BSCC bằng TNTHPT: bản sao công chứng bằng tốt nghiệp
- HBG, HBS: Học bạ gốc, học bạ sao
- KS: khai sinh
- CNND, CCCD: Chứng minh nhân dân, căn cước công dân
- NVQS: Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự

